

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 10 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.986.878.742	108.875.853.755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	112.839.468.491	58.979.252.792
1. Tiền	111		15.660.550.498	4.665.501.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		97.178.917.993	54.313.751.147
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	9.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.135.973.908	32.800.246.606
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	49.575.937.365	21.269.914.180
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	56.319.706.183	11.453.223.406
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		7.774.119.994	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	548.627.172	226.821.237
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(82.416.806)	(149.712.217)
IV. Hàng tồn kho	140		12.804.045.606	1.994.103.651
1. Hàng tồn kho	141	V.6	12.804.045.606	1.994.103.651
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.207.390.737	6.102.250.706
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		147.270.792	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.018.824.545	5.790.528.704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	3.155.400	311.722.002
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		38.140.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		383.979.078.051	293.458.628.620
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		370.181.136.544	282.313.386.181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	356.789.708.038	277.994.927.592
<i>Nguyên giá</i>	222		488.881.394.318	381.982.958.201
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(132.091.686.280)	(103.988.030.609)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.436.549.521	3.542.514.135
<i>Nguyên giá</i>	228		4.945.015.236	4.945.015.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.508.465.715)	(1.402.501.101)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	9.954.878.985	775.944.454
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.004.071.500	11.004.071.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.004.071.500	1.004.071.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.793.870.007	141.170.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.759.187.068	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	1.034.682.939	141.170.939
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		635.965.956.793	402.334.482.375

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		216.678.145.077	86.981.578.974
I. Nợ ngắn hạn	310		57.355.021.500	35.199.025.525
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	5.202.320.325	18.647.954.131
2. Phải trả người bán	312	V.15	25.790.329.804	11.995.488.186
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	394.984.273	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	7.758.834.407	154.952.854
5. Phải trả người lao động	315		969.526.002	352.317.933
6. Chi phí phải trả	316	V.18	13.357.922.568	220.731.687
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.565.610.355	64.347.868
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	1.315.493.766	3.763.232.866
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		159.323.123.577	51.782.553.449
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	25.000.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	134.323.123.577	51.782.553.449
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		419.287.811.716	315.352.903.401
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	419.287.811.716	315.352.903.401
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		231.962.320.000	231.962.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.888.380.922	38.385.998.922
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.071.030.000)	(36.575.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.430.466.733	14.430.466.733
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.763.408.871	7.763.408.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		111.314.265.190	59.385.708.875
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		635.965.956.793	402.334.482.375

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối quý	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		203.441,01	22.980,91
Euro (EUR)		46,02	46,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Bưởi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**Quý 3 năm 2014**

Chỉ tiêu	Mã số	T. minh	Quý 3		Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.218.721.680	33.415.821.152	194.999.069.001	99.647.529.611
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-03)	10		83.218.721.680	33.415.821.152	194.999.069.001	99.647.529.611
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.619.439.041	16.491.712.236	107.426.822.792	39.485.577.934
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		30.599.282.639	16.924.108.916	87.572.246.209	60.161.951.677
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.452.250.752	1.079.609.882	3.231.543.876	2.286.449.362
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.789.303.877	1.297.582.683	4.197.687.253	4.259.094.661
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.677.096.667	1.296.419.229	3.876.545.254	4.091.623.157
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.737.856.596	580.650.541	5.290.295.562	1.938.425.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-	30		27.524.372.918	16.125.485.574	81.315.807.270	56.250.880.555
11. Thu nhập khác	31	VI.6	22	136.364.045	23	768.182.231
12. Chi phí khác	32	VI.7	209.497.272	50.030	219.016.673	392.851.900
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(209.497.250)	136.314.015	(219.016.650)	375.330.331
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.314.875.668	16.261.799.589	81.096.790.620	56.626.210.886
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.427.876.920	-	9.629.502.305	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		23.886.998.748	16.261.799.589	71.467.288.315	56.626.210.886

Lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	9 tháng đầu năm nay	9 tháng đầu năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	81.096.790.620	56.626.210.886
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28.209.620.285	23.969.153.949
- Các khoản dự phòng	03	(67.295.411)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.902.983.614)	(2.252.266.806)
- Chi phí lãi vay	06	3.876.545.254	4.091.623.157
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	110.212.677.134	82.434.721.186
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(87.421.379.669)	(12.670.197.507)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.809.941.955)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	79.988.975.216	444.488.407
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.906.457.860)	11.974.789
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.664.084.373)	(4.091.623.157)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.797.529.521)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.371.991.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	81.230.267.872	66.129.363.718
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(116.077.370.648)	(2.296.117.153)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	768.181.820
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	9.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.128.802.153	1.875.414.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(103.948.568.495)	347.479.347

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	9 tháng đầu năm nay	9 tháng đầu năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	52.006.352.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.082.376.872	130.036.113
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.987.440.550)	(15.389.814.465)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.522.772.000)	(19.538.732.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>76.578.516.322</i>	<i>(34.798.510.352)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	53.860.215.699	31.678.332.713
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	58.979.252.792	38.406.931.541
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	112.839.468.491	70.085.264.254

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải đường biển

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 35 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được thực hiện theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, thời điểm lập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc 31/12 hàng năm) thì thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính.

Đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được trích lập và hoàn nhập dự phòng ở cả thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại thời điểm lập báo cáo 30/09/2014:

Công ty đầu tư vào mã cổ phiếu MAC, MHC, VFMVF1 trong đó mã MAC và MHC có giá thị trường và VFMVF1 có giá công bố cao hơn giá trị gốc ghi nhận trên sổ kế toán nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

21. Báo cáo bộ phận

Công ty xác định bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động kinh doanh, theo đó có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế theo từng hoạt động.

Từ năm 2013 trở về trước, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng nên không thực hiện Báo cáo bộ phận.

Nhưng từ tháng 5/2014 Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới là khai thác tàu biển, nên từ năm 2014 công ty sẽ thực hiện Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Khai thác Cảng và khai thác tàu.

Báo cáo bộ phận được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	128.488.759	1.262.754
Tiền gửi ngân hàng	15.532.061.739	4.664.238.891
Các khoản tương đương tiền	97.178.917.993	54.313.751.147
Cộng	<u>112.839.468.491</u>	<u>58.979.252.792</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	7.731.652.099	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	1.626.156.817	1.393.090.882
Kawasaki Kisen Kaisha	4.415.138.344	1.175.016.696
Oocl Viet Nam Co.,Ltd	2.134.820.844	2.188.052.768
Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam	2.448.046.799	1.452.196.512
Yang Ming Marine Transport Corp	5.809.345.666	3.837.724.507
Pendulum Express Lines Pte Ltd	5.255.438.394	2.264.022.891
Công ty TNHH Huynhdai Merchant Marime Việt Nam	178.121.650	553.464.870
Chi nhánh Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam tại Tp Hải Phòng	-	375.224.844
Công ty Vận tải biển Container Vinalines	822.360	217.415.139
Công ty TNHH Mitsui O.S.K lines (Việt Nam)	182.594.498	367.485.025
Orient Express Lines (Singapore) Pte Ltd	2.681.960.340	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	3.846.095	2.602.593
Chi nhánh công ty CP giao nhận vận tải Ngoại thương tại HP	6.474.719.100	5.265.119.978
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	1.355.000.000	-
Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam)	1.300.856.305	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Hải	1.162.611.400	-
Các đối tượng khác	6.824.995.087	2.178.497.475
Cộng	<u>49.575.937.365</u>	<u>21.269.914.180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Kirow Ardelt AG	32.645.251.686	5.770.248.025
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 5	-	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	1.464.220.000	1.464.220.000
Trung tâm tư vấn Phát triển Công nghệ Xây dựng Hàng hải	748.273.733	700.000.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	60.000.000	90.000.000
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68.000.000	68.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Bách Khoa	55.000.000	55.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình thủy - CIENCO1	103.227.833	3.227.833
PROF.DR.KLAUS PANNEN	16.119.943.576	-
Trung tâm xúc tiến đầu tư - Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	450.000.000	450.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây lắp Hải Sơn	1.600.000.000	-
Công ty cổ phần chế tạo thiết bị điện Việt Nam	636.801.000	-
Công ty cổ phần Unicovina	1.496.140.880	-
Các đối tượng khác	633.624.967	213.305.040
Cộng	<u>56.319.706.183</u>	<u>11.453.223.406</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu tạm tính	500.424.674	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	225.818.539
Các khoản phải thu khác	48.202.498	1.002.698
Cộng	<u>548.627.172</u>	<u>226.821.237</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	149.712.217	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	149.712.217
Hoàn nhập dự phòng	(67.295.411)	-
Số cuối năm	<u>82.416.806</u>	<u>149.712.217</u>

6. Hàng tồn kho

Là nguyên vật liệu tồn kho

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	311.722.002
Thuế nhập khẩu	3.155.400	-
Cộng	3.155.400	311.722.002

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	193.182.773.395	186.232.850.346	2.533.834.460	33.500.000	381.982.958.201
Tăng trong năm do xây dựng cơ bản hoàn thành	-	13.398.353.998	93.500.082.119	-	106.898.436.117
Số cuối năm	193.182.773.395	199.631.204.344	96.033.916.579	33.500.000	488.881.394.318
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	43.006.908.563	60.601.252.576	351.990.037	27.879.433	103.988.030.609
Tăng trong năm do khấu hao	8.967.526.515	15.224.396.216	3.906.707.943	5.024.997	28.103.655.671
Số cuối năm	51.974.435.078	75.825.648.792	4.258.697.980	32.904.430	132.091.686.280
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	150.175.864.832	125.631.597.770	2.181.844.423	5.620.567	277.994.927.592
Số cuối năm	141.208.338.317	123.805.555.552	91.775.218.599	595.570	356.789.708.038

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	4.945.015.236	4.945.015.236
Số cuối năm	4.945.015.236	4.945.015.236
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	1.402.501.101	1.402.501.101
Tăng trong năm do khấu hao	105.964.614	105.964.614
Số cuối năm	1.508.465.715	1.508.465.715
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	3.542.514.135	3.542.514.135
Số cuối năm	3.436.549.521	3.436.549.521

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	111.957.275.927	107.658.036.389	4.299.239.538
XDCB dở dang	775.944.454	4.879.694.993	-	5.655.639.447
Cộng	775.944.454	116.836.970.920	107.658.036.389	9.954.878.985

11. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải phòng cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (MAC)	238.100	976.210.000	238.100	976.210.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (MHC)	4.391	10.977.500	4.391	10.977.500
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	2.010	16.884.000	2.010	16.884.000
Cộng		1.004.071.500		1.004.071.500

13. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thanh toán thẻ tín dụng	110.240.939	110.240.939
Các khoản đặt cọc thuê nhà, thuê cont, bình nước	924.442.000	30.930.000
Cộng	1.034.682.939	141.170.939

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	5.202.320.325	5.702.320.325
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	-	12.945.633.806
Cộng	5.202.320.325	18.647.954.131

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	5.702.320.325	-	-	500.000.000	5.202.320.325
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12.945.633.806	-	16.872	12.945.650.678	-
Cộng	18.647.954.131	-	16.872	13.445.650.678	5.202.320.325

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cảng Hải An	-	10.566.566.700
Công ty Kirow Ardelt AG	492.057.638	-
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	8.535.872.109	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	212.200.000	100.000.000
Công ty Vận tải biển Anh Tú	891.995.246	891.995.246
Công ty TNHH Thương mại Dỵ Thành	200.000.000	200.000.000
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	125.000.000	125.000.000
Công ty Xây dựng Thương mại Phương Nam	91.057.740	91.057.740
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Kim	-	7.330.000
Hợp tác xã Thành Công	3.038.500	3.038.500
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1	3.025.815.653	-
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	9.667.204.923	-
Chi cục đăng kiểm số 10	108.385.886	-
Công ty Cổ phần thương mại Minh Dũng	351.036.609	-
Các đối tượng khác	2.086.665.500	10.500.000
Cộng	25.790.329.804	11.995.488.186

16. Người mua trả tiền trước

Là khoản khách hàng trả trước tiền cước biển

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.800.283.443	11.800.283.443	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(311.722.002)	9.629.502.305	1.797.529.521	7.520.250.782
Thuế thu nhập cá nhân	154.952.854	485.717.570	402.086.799	238.583.625
Thuế nhập khẩu	-	1.286.295.779	1.289.451.179	(3.155.400)
Tiền thuê đất	-	605.576.400	605.576.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác	-	213.242.780	213.242.780	-
Cộng	(156.769.148)	24.020.618.277	16.108.170.122	7.755.679.007

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(3.155.400)	(311.722.002)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.758.834.407	154.952.854
Cộng	7.755.679.007	(156.769.148)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài	0%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.096.790.620	81.693.003.853
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	(5.059.345.919)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	66.891.221
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.126.237.140)
Thu nhập chịu thuế	81.096.790.620	76.633.657.934
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	81.096.790.620	76.633.657.934
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		19.158.414.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		(11.495.048.690)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		(7.663.365.794)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.629.502.305	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chịu thuế suất thuế TNDN như sau:

Hoạt động khai thác cảng: Theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện miễn giảm thuế TNDN. Công ty đầu tư cảng biển, cảng sông được miễn thuế TNDN 4 năm (từ năm 2010 đến 2013), giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến 2022).

Hoạt động khai thác tàu: Phát sinh bắt đầu từ tháng 5/2014, áp dụng thuế suất phổ thông ở mức 22%.

Trong năm 2014, Công ty được giảm 50% thuế TNDN đối với hoạt động khai thác cảng, còn hoạt động khai thác tàu vẫn áp dụng thuế suất thuế TNDN 22%.

Tuy nhiên thuế suất thuế TNDN nêu trên có thể thay đổi khi có quyết định khác của Cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay dự trả, khác	382.192.568	169.731.687
Thù lao Hội đồng quản trị, BKS	153.000.000	51.000.000
Tạm trích chi phí sửa chữa, nạo vét luồng	12.822.730.000	-
Cộng	13.357.922.568	220.731.687

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	198.537	-
Bảo hiểm y tế	312.796	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.538.824	3.232.984
Cổ tức phải trả	69.300.000	53.340.000
Các khoản phải trả phải nộp khác (tạm tính chi phí)	2.491.260.198	7.774.884
Cộng	2.565.610.355	64.347.868

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.043.607.952	-	-	1.937.739.100	105.868.852
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	1.719.624.914	-	-	510.000.000	1.209.624.914
Cộng	3.763.232.866	-	-	2.447.739.100	1.315.493.766

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận góp vốn liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HĐHTKD ngày 12 tháng 3 năm 2014. Theo đó Công ty CP vận tải và xếp dỡ Hải An góp: 20 tỷ đồng tương đương 44,5%.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	-
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	5.000.000.000	-
Cộng	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>

22. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính 6.000.000 USD đã trả được 3.544.687,69 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Trong kỳ, công ty có vay thêm của Bảo Việt Bank 2.500.000 USD để đầu tư mua tàu container theo hợp đồng hợp tác liên doanh và vay Vietcombank 1.442.000 USD trang bị thêm thiết bị cho hoạt động khai thác cảng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	12.945.633.806
Trên 1 năm đến 5 năm	134.323.123.577	51.782.553.449
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>134.323.123.577</u>	<u>64.728.187.255</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	51.782.553.449	76.708.883.082
Tăng do vay thêm	83.082.360.000	-
Tăng do CLTG đánh giá lại	-	643.292.035
Số tiền vay đã trả	(541.789.872)	(12.784.810.834)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(12.784.810.834)
Số cuối năm	<u>134.323.123.577</u>	<u>51.782.553.449</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	50.837.329.552	306.804.524.078
Tăng do sát nhập	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	81.693.003.853	81.693.003.853
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(24.297.794.530)	(24.297.794.530)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(48.846.830.000)	(48.846.830.000)
Số dư cuối năm trước	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	59.385.708.875	315.352.903.401
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	59.385.708.875	315.352.903.401
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	71.467.288.315	71.467.288.315
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(19.538.732.000)	(19.538.732.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	19.502.382.000	32.503.970.000	-	-	-	52.006.352.000
Số dư cuối năm nay	231.962.320.000	57.888.380.922	(4.071.030.000)	14.430.466.733	7.763.408.871	111.314.265.190	419.287.811.716

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	19.538.732.000	48.846.830.000
Cộng	<u>19.538.732.000</u>	<u>48.846.830.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	407.103	3.657.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	22.789.129	19.538.732
- Cổ phiếu ưu đãi		

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Quý 3 năm 2014</u>	<u>Quý 3 năm 2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng	38.244.990.014	33.415.821.152	126.189.850.163	99.647.529.611
Doanh thu dịch vụ khai thác tàu	44.973.731.666	-	68.809.218.838	-
Cộng	<u>83.218.721.680</u>	<u>33.415.821.152</u>	<u>194.999.069.001</u>	<u>99.647.529.611</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 3 năm 2014</u>	<u>Quý 3 năm 2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	12.441.276.663	16.491.712.236	46.499.161.247	39.485.577.934
Giá vốn hoạt động khai thác				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tàu	40.178.162.378	-	60.927.661.545	-
Cộng	<u>52.619.439.041</u>	<u>16.491.712.236</u>	<u>107.426.822.792</u>	<u>39.485.577.934</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 3 năm 2014</u>	<u>Quý 3 năm 2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.305.406.971	860.576.505	2.636.666.803	1.894.064.312
Lãi tiền cho vay	-	-	264.427.778	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	146.843.781	219.033.377	330.449.295	392.385.050
Cộng	<u>1.452.250.752</u>	<u>1.079.609.882</u>	<u>3.231.543.876</u>	<u>2.286.449.362</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 3 năm 2014</u>	<u>Quý 3 năm 2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Chi phí lãi vay	1.677.096.667	1.296.419.229	3.876.545.254	4.150.129.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.207.210	1.163.454	321.141.999	108.965.614
Cộng	<u>1.789.303.877</u>	<u>1.297.582.683</u>	<u>4.197.687.253</u>	<u>4.259.094.661</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3 năm 2014</u>	<u>Quý 3 năm 2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.590.203.673	226.559.031	2.704.874.660	810.190.486
Chi phí vật liệu quản lý	32.297.182	35.094.865	95.520.621	88.613.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	24.734.069	7.385.363	35.279.711	18.035.555
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.346.547	97.346.547	309.729.119	184.468.349
Thuế, phí và lệ phí	12.332.503	6.876.900	43.891.345	19.931.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.877.839	77.268.720	747.727.315	204.601.120
Chi phí bằng tiền khác	599.064.783	130.119.115	1.353.272.791	612.585.171
Cộng	<u>2.737.856.596</u>	<u>580.650.541</u>	<u>5.290.295.562</u>	<u>1.938.425.823</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 3 năm 2014</u>	<u>Quý 3 năm 2013</u>	<u>Lũy kế 2014</u>	<u>Lũy kế 2013</u>
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý tài sản	-	136.363.636	-	768.181.820
Các khoản thu nhập khác	22	409	23	411
Cộng	<u>22</u>	<u>136.364.045</u>	<u>23</u>	<u>768.182.231</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Quý 3 năm 2014	Quý 3 năm 2013	Lũy kế 2014	Lũy kế 2013
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	209.497.272	-	209.497.274	391.329.694
Chi phí khác	-	50.030	9.519.399	1.522.206
Cộng	209.497.272	50.030	219.016.673	392.851.900

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Hàng hải Hà Nội	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Hải Minh	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Macs	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ Phần Transimex – Sài Gòn	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ Phần Hàng hải Hà Nội- Cổ đông lớn của công ty
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty con của Công ty Cổ Phần Hàng hải Hà Nội- Cổ đông lớn của công ty
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của công ty con

Công nợ với các bên liên quan như sau:

Số phải thu

	Số cuối kỳ	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	1.626.156.817	1.393.090.882
Phải thu về cung cấp dịch vụ cảng	1.626.156.817	1.393.090.882
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	7.731.652.099	-
Phải thu về cung cấp dịch vụ cho tàu	7.731.652.099	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn</i>	527.788.000	-
Phải thu về cước tàu biển	527.788.000	-
<i>Công ty TNHH Cảng Hải An</i>	7.774.119.994	10.566.566.700
Phải thu về dịch vụ khai thác cảng	5.098.792.890	10.566.566.700
Phải thu về dịch vụ khai thác tàu	2.675.327.104	-
Cộng phải thu	17.659.716.910	11.959.657.582

Số phải trả

	Số cuối kỳ	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần đầu tư và vận tải Hải Hà</i>	4.944.877	256.622.941
Phải trả tiền điện	4.944.877	-
Phải trả tiền thuê văn phòng	-	256.622.941
<i>Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn</i>	10.045.795.000	-
Phải trả cước vận chuyển bộ	39.150.000	-
Phải trả hoa hồng	6.645.000	-
Phải trả do nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải và dịch vụ hàng hải</i>	212.200.000	100.000.000
Phải trả công nợ do sáp nhập	100.000.000	100.000.000
Phải trả cước vận chuyển	112.200.000	-
<i>Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An</i>	13.535.872.109	-
Phải trả đại lý phí	8.535.872.109	-
Phải trả do nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	5.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An</i>	115.810.000	-
Phải trả cước vận chuyển	115.810.000	-
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>	10.000.000.000	-
Phải trả do nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	-
<i>Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải</i>	5.202.320.325	5.702.320.325
Phải trả nợ vay ngắn hạn	5.202.320.325	5.702.320.325
Cộng phải trả	39.116.942.311	6.058.943.266

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận của Công ty CP vận tải và xếp dỡ Hải An được phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm có hoạt động khai thác cảng và hoạt động khai thác tàu được thể hiện qua các chỉ tiêu sau

2.1 Thông tin về doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp:

Từ 01/01/2013- 30/09/2014	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực khai thác tàu	Cộng
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>126.189.850.163</u>	<u>68.809.218.838</u>	<u>194.999.069.001</u>
Giá vốn hàng bán	46.499.161.247	60.927.661.545	107.426.822.792
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>79.690.688.916</u>	<u>7.881.557.293</u>	<u>87.572.246.209</u>

2.2 Thông tin về tài sản và nợ phải trả:

Tại ngày 30/09/2014	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực khai thác tàu	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	356.304.953.352	143.795.483.505	500.100.436.857
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	135.865.519.936
Tổng tài sản	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>635.965.956.793</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	104.416.588.564	103.187.228.340	207.603.816.904
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	9.074.328.173
Tổng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>216.678.145.077</u>

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường